| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 47 /2006 /QĐ-UBND | *Tuyên Quang, ngày 22 tháng 8 năm 2006* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về dân số kế hoạch hoá gia đình, sự nghiệp gia đình và bảo vệ chăm sóc trẻ em giai đoạn 2006-2010

## UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 147/2000/QĐ-TTg ngày 22/12/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược dân số Việt Nam giai đoạn 2001-2010;

Căn cứ Quyết định số 23/2001/QĐ-TTg ngày 26/2/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em Việt Nam giai đoạn 2001-2010;

Căn cứ Chương trình hành động số 01- CTr/TU ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về dân số kế hoạch hoá gia đình, sự nghiệp gia đình và bảo vệ chăm sóc trẻ em giai đoạn 2006-2010 *(có kế hoạch kèm theo).*

**Điều 2.** Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các cấp tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Thị Bích Việt**

***Nơi nhận:***
- Uỷ ban DSGĐTE Trung ương;
- Thường trực Tỉnh uỷ; | báo cáo
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các đoàn thể;
- Như Điều 3;
- Chánh, PVP UBND tỉnh;
- Các Chuyên viên VP UBND tỉnh;
- Lưu VT (Hoà80 ).

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# KẾ HOẠCH

**Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về dân số và kế hoạch hoá gia đình, sự nghiệp gia đình và bảo vệ chăm sóc trẻ em giai đoạn 2006-2010**

*( Kèm theo Quyết định số 47/2006/QĐ-UBND ngày 22/ 8 /2006*

*của Uỷ ban nhân dân tỉnh )*

## I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC DÂN SỐ, GIA ĐÌNH TRẺ EM

Công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình trong những năm qua đã đi vào cuộc sống của đông đảo nhân dân trong tỉnh, nhận thức của người dân về công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình, chất lượng dân số từng bước được cải thiện; tỷ lệ số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại ngày càng tăng, tỷ lệ sinh giảm nhanh (những năm 1990 tỷ lệ sinh là trên 30‰ đến năm 2005 tỷ lệ sinh giảm xuống dưới 20‰); việc chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình đang được xã hội hoá và ngày càng được quan tâm, chú trọng.

Về công tác gia đình: Công tác gia đình trong những năm gần đây đã từng bước được cải thiện, ngày càng có nhiều gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá; đời sống tinh thần, vật chất của từng gia đình đã được cải thiện rõ rệt; quy mô gia đình nhỏ, ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con) được đông đảo người dân thực hiện và dư luận xã hội ủng hộ; vẫn duy trì được các giá trị truyền thống tốt đẹp trong quan hệ gia đình; quyền, lợi ích của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ đặc biệt là quyền bình đẳng nam nữ, bình đẳng giới.

Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em đã đạt được những kết quả quan trọng, nhiều mục tiêu đối với trẻ em đã đạt và vượt kế hoạch, các em đã được hưởng các quyền cơ bản thực hiện bổn phận và phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức.

Tuy vậy, công tác dân số kế hoạch hoá gia đình, vấn đề xây dựng gia đình và công tác bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em vẫn còn tồn tại, thiếu sót: Tỷ lệ giảm sinh và giảm sinh con thứ 3 trở lên chưa thực sự vững chắc, có xu hướng tăng trở lại (năm 2002 tỷ lệ sinh là 17,03 ‰, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 7,7 %; năm 2004 tỷ lệ sinh là 18,21 ‰, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 8 %; năm 2005 tỷ lệ sinh là 17,68 ‰, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 8,3 %). Những tác động mặt trái của cơ chế thị trường đã ảnh hưởng đến thuần phong, mỹ tục, truyền thống gia đình, các giá trị đạo đức, lối sống và bản sắc của từng dân tộc. Hiện tượng tảo hôn vẫn còn tồn tại ở một số vùng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sự phân hoá giàu, nghèo giữa các hộ gia đình ngày càng tăng lên; nhiều hộ gia đình thoát nghèo vẫn còn nguy cơ tái nghèo. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em suy dinh dưỡng,... vẫn còn và rất cần sự bảo vệ và chăm sóc đặc biệt của gia đình, cộng đồng và toàn xã hội.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

- Nâng cao chất lượng dân số, bảo đảm cơ cấu dân số và phân bố dân cư hợp lý, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Xây dựng gia đình ít con ấm no, tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc để gia đình là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội.

- Tạo mọi điều kiện tốt nhất nhằm phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần đáp ứng các nhu cầu và các quyền cơ bản của trẻ em, chống xâm hại, ngược đãi phụ nữ và trẻ em, xây dựng môi trường lành mạnh để trẻ em có cơ hội được bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và có cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

### 2. Mục tiêu cụ thể

- Duy trì vững chắc mức giảm sinh, giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,5‰, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm xuống dưới 1%.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 15%.

- Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, xuống 5 %.

- Trên 85% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá, trên 70% số thôn bản, tổ nhân dân đạt tiêu chuẩn thôn, bản văn hoá.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 15%.

- Phấn đấu không còn tình trạng tảo hôn, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Trước khi kết hôn nam, nữ thanh niên đều được trang bị kiến thức về hôn nhân và gia đình.

- Đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh theo đúng quy định.

- Tất cả người cao tuổi đều được gia đình và xã hội chăm sóc.

- Mọi gia đình thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Mọi gia đình được tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, trách nhiệm của gia đình đối với ổn định và phát triển xã hội.

- Tất cả các gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, gia đình người có công với cách mạng, gia đình dân tộc thiểu số, gia đình nghèo, gia đình ở vùng sâu, vùng xa...đều được hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước về các dịch vụ văn hoá, y tế, giáo dục và các phúc lợi xã hội khác.

- Nâng tỷ lệ số hộ dân được dùng nước sạch lên 80%.

- Phấn đấu đạt 60% số xã phường phù hợp với trẻ em.

- Phấn đấu trên 90% trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được chăm sóc.

## III. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Nhiệm vụ

1.1 Các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở chú trọng lãnh đạo thực hiện các mục tiêu về dân số, gia đình và trẻ em, thường xuyên nghe báo cáo tình hình, kịp thời uốn nắn những thiếu sót. Cán bộ đảng viên phải gương mẫu đi đầu thực hiện chính sách dân số, gia đình và trẻ em, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm.

1.2 Các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể các chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số, gia đình và trẻ em để mọi người thực hiện; chương trình dân số, gia đình và trẻ em phải được đặt ngang hàng với các chương trình phát triển kinh tế- xã hội khác của địa phương. Đưa kết quả thực hiện công tác dân số, gia đình trẻ em vào tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên và bình xét thi đua.

1.3 Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động thực hiện các mục tiêu dân số gia đình trẻ em, kịp thời khắc phục các yếu kém trong tổ chức thực hiện. Các chỉ tiêu về dân số gia đình trẻ em cần được lồng ghép vào việc hoạch định các chính sách, chương trình phát triển kinh tế xã hội ở các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội.

1.4 Các ngành có liên quan phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể và cơ quan dân số gia đình trẻ em cùng cấp trong việc xây dựng, thực hiện, kiểm tra, giám sát đánh giá chương trình, mục tiêu.

### 2. Giải pháp

*2.1 Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp chính quyền đối với công tác dân số, gia đình và trẻ em*

Tiếp tục đổi mới và tăng cường phương thức lãnh đạo của chính quyền đối với công tác dân số, gia đình và trẻ em từ tỉnh đến cơ sở, coi trọng lãnh đạo thực hiện các mục tiêu chương trình. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện công tác dân số, gia đình và trẻ em; kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm chính sách dân số và công tác gia đình, trẻ em.

Các cơ quan, đơn vị phối hợp chặt chẽ với Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể xây dựng kế hoạch, ban hành quy định thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số, gia đình và trẻ em để mọi người thực hiện; đưa kết quả thực hiện công tác dân số, gia đình và trẻ em vào tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ và cơ quan.

*2.2 Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động và giáo dục*

Tạo sự chuyển đổi hành vi bền vững về nhận thức quy mô gia đình, sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình, cung cấp đầy đủ, chính xác những thông tin, phù hợp với từng nhóm đối tượng, đa dạng hoá các hình thức tư vấn. Tổ chức tốt các đợt chiến dịch truyền thông tới các vùng dân cư, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trong các cấp học, ngành học.

Tăng cường tuyên truyền Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Pháp lệnh dân số. Xây dựng và duy trì chuyên mục " Dân số, gia đình và trẻ em'' và " Xây dựng gia đình văn hoá " trên đài Phát thanh - Truyền

hình và Báo Tuyên Quang, nêu gương người tốt, việc tốt và phê phán những biểu hiện không lành mạnh.

Xây dựng, nhân rộng các mô hình, câu lạc bộ, nhóm phụ nữ, điển hình tiên tiến...phù hợp với điều kiện và đặc điểm của từng địa phương, đơn vị và cộng đồng dân cư. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân, gia đình tiêu biểu trong việc thực hiện chính sách dân số, gia đình và trẻ em.

Phấn đấu giảm tỷ lệ sinh hàng năm 0,5‰, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm xuống dưới 1% *(chi tiết tại phụ lục số 1 và phụ lục số 2).*

Tập trung ưu tiên vận động những đối tượng đã có 2 con ở những vùng có mức sinh cao, vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số nhưng chưa thực hiện kế hoạch hoá gia đình, chưa chấp nhận quy mô gia đình nhỏ để tuyên truyền vận động thực hiện kế hoạch hoá gia đình giảm tỷ lệ sinh con thứ 3.

Tuyên truyền, vận động đến các đối tượng thanh niên chuẩn bị lập gia đình nhằm trang bị những kiến thức về dân số, sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình, các kiến thức để chuẩn bị làm mẹ an toàn, nuôi con khoẻ, dạy con ngoan.

Đối với các đối tượng là vị thành niên cần tuyên truyền để trang bị kiến thức về dân số, giới tính, tình yêu, hôn nhân hạnh phúc gia đình; thay đổi cơ bản về nhận thức của giới trẻ về quy mô gia đình.

Nâng cao hiệu quả cung cấp thông tin cho các cấp lãnh đạo, thường xuyên, định kỳ cung cấp thông tin về chính sách, tình hình thực hiện chương trình, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc thông qua hệ thống báo cáo, gặp gỡ, trao đổi, đảm bảo thông tin hai chiều thông suốt và có hiệu quả.

Định kỳ khảo sát, đánh giá kết quả chuyển đổi hành vi của các đối tượng để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời về cách tiếp cận, nội dung tuyên truyền cho phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng.

*2.3 Mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản, dịch vụ gia đình và cộng đồng*

Nâng cao chất lượng dịch vụ sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình với các nội dung và hình thức phù hợp trong khuôn khổ chăm sóc sức khoẻ ban đầu, tiến tới thoả mãn nhu cầu chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình của người dân, hạn chế thấp nhất tình trạng nạo phá thai ngoài ý muốn nhất là ở tuổi chưa thành niên góp phần nâng cao chất lượng dân số.

Nâng cao trình độ chuyên môn để các trạm y tế thực hiện tốt thủ thuật dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình. Đảm bảo 100% đối tượng có nhu cầu về thuốc uống tránh thai, bao cao su được cung cấp đầy đủ; 100% đối tượng được tư vấn về kế hoạch hoá gia đình đều được tuyên truyền phòng chống HIV/ AIDS.

Xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ gia đình và cộng đồng, tạo điều kiện cho mọi gia đình được tiếp cận kiến thức pháp luật, văn hoá, y tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật và phúc lợi xã hội; lồng ghép nội dung tư vấn về gia đình trong hoạt động của các nhóm trợ giúp pháp lý, chú trọng hình thức tư vấn qua điện thoại, câu lạc bộ pháp lý và các loại hình câu lạc bộ khác.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho nam, nữ thanh niên trước khi đăng ký kết hôn đi kiểm tra sức khoẻ sinh sản, bệnh truyền nhiễm; đảm bảo tất cả nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn được tư vấn về kiến thức dân số gia đình và trẻ em; phụ nữ trong thời gian mang thai được quản lý thai nghén.

Đa dạng hoá các loại hình cung cấp dịch vụ, tư vấn sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình. Triển khai các mô hình cung ứng dịch vụ phù hợp với từng vùng, nâng cao kỹ năng của đội ngũ cán bộ cung ứng dịch vụ thông qua công tác đào tạo, tập huấn, củng cố nâng cấp cơ sở vật chất cho các cơ sở y tế làm dịch vụ sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình nhất là vùng sâu, vùng xa.

Đẩy mạnh và mở rộng hình thức tiếp thị xã hội đối với các biện pháp tránh thai phi lâm sàng, khuyến khích các cơ sở y tế tư nhân có đủ điều kiện tham gia tư vấn, cung cấp dịch vụ sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình.

Thường xuyên tập huấn, đào tạo để nâng cao chất lượng tư vấn của những người cung cấp dịch vụ, cung cấp chính xác những thông tin cần thiết giúp cho đối tượng có cơ hội lựa chọn được biện pháp tránh thai và chăm sóc sức khoẻ phù hợp nhất. Các vùng thị xã, thị trấn cần mở rộng các điểm cung cấp dịch vụ kế hoạch hoá gia đình bảo đảm thuận tiện, dễ tiếp cận cho mọi đối tượng. Đối với vùng sâu, vùng xa cần tăng cường các đợt làm dịch vụ kế hoạch hoá gia đình để đáp ứng nhu cầu đồng thời nâng cao tay nghề cho cán bộ cơ sở.

*2.4 Nâng cao chất lượng dân số, tăng cường vai trò của gia đình và bình đẳng giới*

Thực hiện chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, tiêm chủng mở rộng, đẩy mạnh giáo dục dinh dưỡng. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ bà mẹ trẻ em, tuyên truyền kiến thức bảo vệ chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em để họ biết cách mang thai và làm mẹ an toàn, nuôi con khoẻ, dạy con ngoan. Hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng hợp lý, tăng cường công tác chăm sóc trẻ em, hạ thấp tỷ lệ trẻ chết dưới 1 tuổi, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2010 dưới 15%;

Rèn luyện thể chất, chăm sóc sức khoẻ, nâng cao tuổi thọ trong toàn dân. Củng cố, tăng cường cơ sở vật chất, cán bộ của các trung tâm phục hồi chức năng trẻ khuyết tật, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở nuôi dưỡng người già không nơi nương tựa. Phát động phong trào toàn xã hội chăm lo người già, trẻ em tàn tật, trẻ em cơ nhỡ, không nơi nương tựa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống mới ở khu dân cư.

Củng cố, hoàn thiện hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào cuộc sống, phát triển mạnh các loại ngành nghề, hệ thống đào tạo và dạy nghề để tạo việc làm cho người lao động, góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Đến năm 2010, giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị xuống dưới 3,5%, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 84%.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống tệ nạn xã hội, đẩy lùi các tệ nạn xã hội ngay từ trong gia đình, huy động cộng đồng tham gia phòng ngừa, đấu tranh kiềm chế, ngăn chặn các tệ nạn xã hội; thực hiện có hiệu quả công tác

cai nghiện ma tuý, giảm tỷ lệ tái nghiện dưới 4%; tuyên truyền rộng rãi phòng chống HIV/AIDS; có biện pháp ngăn chặn sinh con ở người bị tâm thần, HIV.

Tăng cường thực hiện bình đẳng giới, quan tâm đào tạo nghề và sử dụng lao động nữ, tạo điều kiện để mọi người đều được vui chơi, giải trí, biết cách tự chăm sóc sức khoẻ bản thân, cải thiện mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình, xây dựng gia đình văn hoá; thực hiện tốt chính sách đối với người già cô đơn. Nâng cao phúc lợi gia đình thông qua lồng ghép chương trình dân số với chương trình xoá đói giảm nghèo, khuyến nông, khuyến lâm...

*2.5 Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực quản lý*

Trong năm 2006, hoàn thành việc củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở, đảm bảo về số lượng và chất lượng để tổ chức thực hiện tốt công tác dân số, gia đình và trẻ em trên địa bàn.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ dân số, gia đình và trẻ em cấp xã, phường, thị trấn đến năm 2007 đạt 100% cán bộ chuyên trách dân số, gia đình và trẻ em có trình độ trung cấp y trở lên. Từ năm 2007, cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em thôn, bản, được đào tạo chuyên môn từ 3 tháng trở lên.

Nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ làm công tác dân số, gia đình và trẻ em các cấp, từng bước tin học hoá trong công tác quản lý chương trình; cán bộ cấp tỉnh, huyện được đào tạo kỹ năng xây dựng kế hoạch, quản lý, điều phối, giám sát, đánh giá hoạt động chương trình; cán bộ cấp xã, phường, thị trấn được đào tạo kỹ năng truyền thông, theo dõi quản lý đối tượng tại địa bàn, cán bộ kiêm nhiệm được đào tạo về kiến thức dân số, gia đình và trẻ em, kỹ năng lồng ghép công tác dân số, gia đình và trẻ em vào hoạt động của ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách.

Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo thống kê về công tác dân số, gia đình và trẻ em, thường xuyên cập nhật đúng, đầy đủ các thông tin về biến động dân số, tình hình thực hiện công tác dân số, gia đình và trẻ em phục vụ cho việc điều hành kế hoạch hoạt động. Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ thu thập thông tin, lập báo cáo theo quy định. Tham gia tích cực vào hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành và thông tin dữ liệu quốc gia về dân cư.

*2.6 Xây dựng cơ sở vật chất và đầu tư nguồn lực*

*a) Xây dựng cơ sở vật chất:*

Năm 2006-2007, xây dựng Trung tâm dân số, gia đình và trẻ em tỉnh (trụ sở làm việc của Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh) và Trung tâm tư vấn dịch vụ dân số, gia đình và trẻ em tỉnh; Trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư 02 huyện Na Hang, Sơn Dương; Năm 2008, xây dựng Trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư 04 huyện Chiêm Hoá, Hàm Yên, Yên Sơn, thị xã *(tổng số tiền trên 11 tỷ đồng).*

*b) Kinh phí thực hiện chương trình: (Chi tiết tại phụ lục số 3)*

- Tổng kinh phí đầu tư cho chương trình: Trên 53 tỷ đồng.
- Ngân sách Trung ương: Trên 41 tỷ đồng.
- Ngân sách địa phương: Trên 12 tỷ đồng.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh

Là cơ quan tham mưu giúp Uỷ ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em; chịu trách nhiệm xây dựng, điều phối kế hoạch hoạt động Chương trình dân số gia đình và trẻ em trên địa bàn tỉnh, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Chương trình theo kế hoạch. Phối hợp với ngành Y tế xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình dịch vụ kế hoạch hoá gia đình; phối hợp với các ngành thành viên triển khai thực hiện các hoạt động lồng ghép Chương trình dân số gia đình và trẻ em và phát triển gia đình bền vững.

### 2. Sở Y tế

Có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện chương trình nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình và bảo vệ sức khoẻ bà mẹ trẻ em; kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ y tế các cấp, cung cấp đầy đủ, kịp thời, thuận tiện các biện pháp tránh thai, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và người nghèo.

### 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch chương trình mục tiêu dân số, gia đình và trẻ em trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; có kế hoạch bổ sung thêm từ ngân sách địa phương nhằm thực hiện tốt các mục tiêu chương trình dân số, gia đình và trẻ em của tỉnh hàng năm.

### 4. Sở Tài chính

Bố trí đủ nguồn ngân sách để thực hiện chương trình dân số, gia đình và trẻ em của tỉnh; thường xuyên phối hợp chặt chẽ với cơ quan dân số, gia đình và trẻ em các cấp để kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí của chương trình.

### 5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Có trách nhiệm đưa các nội dung dân số, gia đình và trẻ em vào giảng dạy ở các cấp học, ngành học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phối hợp chặt chẽ với cơ quan dân số, gia đình và trẻ em các cấp tổ chức các buổi hội thảo, nói chuyện chuyên đề, tuyên truyền về hôn nhân gia đình, hạnh phúc gia đình, sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình tại các trường trung học phổ thông.

### 6. Cục Thống kê

Phối hợp với Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh xây dựng, kiểm tra, xử lý số liệu về dân cư, thực hiện kế hoạch hoá gia đình và các thông tin về dân số, gia đình và trẻ em để phục vụ cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

### 7. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em tỉnh để triển khai các hoạt động lồng ghép nội dung dân số vào các chương trình xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, giải quyết những vấn đề về sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hoá gia đình ở

những cặp vợ chồng có nguy cơ cao về bệnh di truyền, nhiễm chất độc màu da cam...

**8. Sở Văn hoá- Thông tin và các cơ quan thông tin đại chúng**

Phối kết hợp với Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em các cấp triển khai các hoạt động truyền thông đại chúng trên báo, đài phát thanh- truyền hình, panô, áp phích, các hoạt động văn hoá, văn nghệ, các đội tuyên truyền lưu động... lồng ghép các nội dung dân số, gia đình và trẻ em.

**9. Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã**

Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo các cấp, các ngành trên địa bàn phối hợp chặt chẽ tổ chức thực hiện tốt mục tiêu, chỉ tiêu công tác dân số, gia đình và trẻ em.

**10. Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn**

Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện tốt việc quản lý Nhà nước về công tác dân số, gia đình và trẻ em tại cơ sở; chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm về công tác dân số, gia đình và trẻ em trên địa bàn; chỉ đạo, tổ chức phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội ở xã để thực hiện tốt các hoạt động của công tác dân số, gia đình và trẻ em.

**9. Đề nghị Uỷ ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể**

Phối hợp với các cấp chính quyền và Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em các cấp chỉ đạo thực hiện tốt công tác dân số, gia đình và trẻ em trên địa bàn, lồng ghép với chương trình xoá đói giảm nghèo và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Thị Bích Việt**

**Phụ lục số 01**

# CHỈ TIÊU GIẢM TỶ SUẤT SINH CHIA THEO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ GIAI ĐOẠN 2006 -2010

*Đơn vị tính: %o*

| TT | Đơn vị | Năm 2006 | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 | Năm 2010 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Toàn tỉnh** | **0.53** | **0.51** | **0.51** | **0.5** | **0.48** |
| 1 | Na Hang | 0.64 | 0.6 | 0.6 | 0.58 | 0.56 |
| 2 | Chiêm Hoá | 0.62 | 0.6 | 0.58 | 0.57 | 0.56 |
| 3 | Hàm Yên | 0.6 | 0.6 | 0.58 | 0.57 | 0.56 |
| 4 | Yên Sơn | 0.6 | 0.58 | 0.59 | 0.58 | 0.55 |
| 5 | Sơn Dương | 0.6 | 0.58 | 0.59 | 0.58 | 0.55 |
| 6 | Thị xã TQ | 0.13 | 0.12 | 0.12 | 0.12 | 0.12 |
| | | | | | | |

**Phu luc số 02**

## CHỈ TIÊU GIẢM TỶ LỆ PHÁT TRIỂN DÂN SỐ TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2006 -2010

*Đơn vị tính: %o*

| TT | Đơn vị | Năm 2006 | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 | Năm 2010 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Toàn tỉnh** | **11.30** | **10.85** | **10.25** | **9.72** | **9.19** |
| 1 | Na Hang | 13.00 | 12.50 | 12.20 | 11.70 | 11.30 |
| 2 | Chiêm Hoá | 13.00 | 12.50 | 12.00 | 11.60 | 11.20 |
| 3 | Hàm Yên | 12.00 | 11.50 | 11.20 | 10.80 | 10.35 |
| 4 | Yên Sơn | 11.00 | 10.30 | 9.80 | 9.60 | 9.00 |
| 5 | Sơn Dương | 11.00 | 10.50 | 10.00 | 9.60 | 8.80 |
| 6 | Thị xã TQ | 8.00 | 7.80 | 7.50 | 6.00 | 5.50 |
| | | | | | | |

Phụ lục số 3:

## KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM
## GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Đơn vị tính : triệu đồng

| STT | Đơn vị | Tổng số | Năm 2006 | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 | Năm 2010 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Tổng cộng :** | **53,772** | **5,843** | **17,445** | **10,906** | **9,261** | **10,316** |
| | ***Kinh phí trung ương :*** | **41,637** | ***4,920*** | ***14,612*** | ***8,353*** | ***6,549*** | ***7,203*** |
| | ***Kinh phí địa phương :*** | **12,135** | ***923*** | ***2,833*** | ***2,553*** | ***2,713*** | ***3,113*** |
| **I** | **CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU DÂN SỐ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH** | **46,612** | **5,683** | **16,295** | **9,356** | **7,311** | **7,966** |
| **A** | **Kinh phí sự nghiệp** | **33,852** | **5,683** | **6,175** | **6,716** | **7,311** | **7,966** |
| ***1*** | ***Kinh phí trung ương*** | **30,037** | ***4,920*** | ***5,412*** | ***5,953*** | ***6,549*** | ***7,203*** |
| ***2*** | ***Ngân sách tỉnh hỗ trợ*** | **3,815** | ***763*** | ***763*** | ***763*** | ***763*** | ***763*** |
| 2.1 | Hỗ trợ phụ cấp cán bộ chuyên trách dân số, gia đình và trẻ em xã (TW cấp 195.000 đ/người/tháng - tỉnh hỗ trợ để tương ứng 0,8 mức lương tối thiểu) | 714 | 143 | 143 | 143 | 143 | 143 |
| 2.2 | Hỗ trợ thù lao cộng tác viên dân số, gia đình và trẻ em thôn bản (TW cấp 50.000đ/ người/tháng - tỉnh hỗ trợ 1/2 mức của TW ) | 3,101 | 620 | 620 | 620 | 620 | 620 |
| **B** | **Kinh phí XDCB** | **12,760** | **0** | **10,120** | **2,640** | **0** | **0** |
| ***1*** | ***Kinh phí trung ương*** | **11,600** | ***0*** | ***9,200*** | ***2,400*** | ***0*** | ***0*** |
| 1.1 | Xây dựng trung tâm dân số, gia đình và trẻ em tỉnh | 5,000 | | 5,000 | | | |
| 1.2 | Xây dựng trung tâm dịch vụ, tư vấn dân số, gia đình và trẻ em tỉnh | 3,000 | | 3,000 | | | |
| 1.3 | Xây dựng trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư ... huyện Na Hang | 600 | | 600 | | | |
| 1.4 | Xây dựng trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư ... huyện Sơn Dương | 600 | | 600 | | | |
| 1.5 | Xây dựng trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư ... huyện Chiêm Hóa | 600 | | | 600 | | |
| 1.6 | Xây dựng trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư ... huyện Hàm Yên | 600 | | | 600 | | |
| 1.7 | Xây dựng trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư ... huyện Yên Sơn | 600 | | | 600 | | |
| 1.8 | Xây dựng trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư ... Thị xã | 600 | | | 600 | | |
| ***2*** | ***Ngân sách tỉnh hỗ trợ*** | **1,160** | | ***920*** | ***240*** | | |
| 1.1 | Xây dựng trung tâm dân số, gia đình và trẻ em tỉnh | 500 | | 500 | | | |
| 1.2 | Xây dựng trung tâm dịch vụ, tư vấn dân số, gia đình và trẻ em tỉnh | 300 | | 300 | | | |
| 1.3 | Xây dựng trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư ... huyện Na Hang | 60 | | 60 | | | |
| 1.4 | Xây dựng trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư ... huyện Sơn Dương | 60 | | 60 | | | |
| 1.5 | Xây dựng trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư ... huyện Chiêm Hóa | 60 | | | 60 | | |
| 1.6 | Xây dựng trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư ... huyện Hàm Yên | 60 | | | 60 | | |
| 1.7 | Xây dựng trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư ... huyện Yên Sơn | 60 | | | 60 | | |
| 1.8 | Xây dựng trung tâm tư vấn và dữ liệu dân cư ... Thị xã | 60 | | | 60 | | |
| | | | | | | | |
| **II** | **CÔNG TÁC BẢO VỆ, CHĂM SÓC TRẺ EM** ( ngân sách địa phương ) | **4,545** | **145** | **800** | **1,000** | **1,200** | **1,400** |
| **III** | **CÔNG TÁC GIA ĐÌNH** ( ngân sách địa phương ) | **2,615** | **15** | **350** | **550** | **750** | **950** |
| | | | | | | | |